

Số: 631/2020/QĐST-HNGĐ

Phú Nhuận, ngày 15 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 147/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Ông Trương Minh T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 48/15/8 đường A, Phường B, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Mỹ N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 48/15/8 đường A, Phường B, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trương Minh T và bà Trần Mỹ N.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 54, quyển số I ngày 14/8/2009 tại Ủy ban nhân dân phường Bình San, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang)

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Trương Minh T và bà Trần Mỹ N.

2.2 Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Gia M, sinh ngày 06/02/2010 và Trương Minh A, sinh ngày 01/4/2014.

Sau khi ly hôn, ông Trương Minh T và bà Trần Mỹ N thỏa thuận giao hai con chung Trương Gia M và Trương Minh A cho ông Trương Minh T trực tiếp trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi Trương Gia M và Trương Minh A đủ 18 tuổi.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trương Minh T không yêu cầu bà Trần Mỹ N cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, việc trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trương Minh T và bà Trần Mỹ N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về án phí: Ông Trương Minh T tự nguyện chịu án phí hôn nhân và gia đình là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0042652 ngày 02/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho ông Trương Minh T 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- UBND phường Bình San,
thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Văn Thị Ngọc Mỹ